TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 4 - 2026.
V/v "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đìn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quốc Tuấn

2. Bà Hà Thị Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2026/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2026/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thanh N, sinh năm 1984 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ F, phường H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Vũ Anh T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu D, xã T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ A T đăng ký kết hôn ngày 22/02/2010 tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn, hai bên được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 6

tháng. Đến đầu năm 2011 giữa hai anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh luận cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng tăng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã về Hòa Bình sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm vì thời gian sống ly thân đã quá lâu, không ai còn quan tâm đến ai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho anh Vũ A T đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, không đến làm việc.

Trong biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị T1 - mẹ đẻ anh Vũ A T có chứng kiến của T2 khu 4 và xác nhận Ủy ban nhân dân xã T, bà T1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh Vũ Anh T, mẹ chồng chị Đặng Thị Thanh N. Chị N anh T kết hôn với nhau ngày 22/02/2010, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống cùng nhau hạnh phúc. Sau phát sinh mẫu thuẫn hay cãi cọ nhau như thế nào gia đình không biết, không nắm được. Chị N đã về Hòa Bình sinh sống từ lâu.

Nay chị N đề nghị ly hôn với anh T, gia đình vẫn mong muốn hai anh chị về đoàn tụ chung sống cùng nhau. Nếu chị N kiên quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Việc ly hôn là việc riêng giữa chị N và anh T, gia đình không can thiệp.

Anh T chị N không có con chung, không có tài sản chung, công nợ chung gì. Tòa án giao văn bản tố tụng cho anh T thì bà nhất trí nhận thay và sẽ thông báo cho anh T biết.

Tại biên bản làm việc ngày 06/4/2026, đại diện UBND xã cung cấp cho Tòa án những thông tin: Chị Đặng Thị Thanh N, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ F, phường H, tỉnh Phú Thọ và anh Vũ Anh T, sinh năm 1981, cư trú tại Khu D, xã T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 22/02/2010 tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống giữa chị N anh T có những mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ.

Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật TTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thanh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Thanh N được ly hôn anh Vũ Anh T.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Thanh N và Vũ A T không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sau khi nghe ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn anh Vũ Anh T, xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ A T hiện cư trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

- Chị Đặng Thị Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt do ở xa và bận công việc. Anh T được Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến

hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N anh T đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/02/2010 tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận hạnh phúc, sau phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ năm 2011 đến nay, vợ chồng chị N anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị ly hôn với anh T. Tòa án đã thông báo cho anh T đến làm việc, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên thực tế không còn chung sống cùng nhau thời gian dài, không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định pháp luật và thực tế.

[2.2] Về con chung: Chị Đặng Thị Thanh N và Vũ A T không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Đặng Thị Thanh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thanh N .

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Thanh N được ly hôn anh Vũ Anh T.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị Thanh N và anh Vũ A T không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn nếu các bên đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000720 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Thanh N và anh Vũ A T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 4 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 4 - Phú Thọ;
- UBND xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Thanh Hoa